

**BIÊN BẢN**

Về việc công khai dự thảo kế hoạch thu chi, dự kiến các khoản thu  
năm học:2023-2024

\* **Thời gian:** Vào hồi 15 h45 phút ngày 31 tháng 8 năm 2023

\* **Địa điểm:** Tại phòng hội đồng trường mầm non TT Trầu Quỳ

Đã tiến hành lập biên bản kết thúc công khai dự thảo kế hoạch thu chi, dự kiến các khoản thu năm học:2023-2024, bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai phòng hội đồng nhà trường.

\* **Thành phần lập biên bản gồm có:**

1. Đ/c Trần Thị Diệu Anh : Chức vụ - Hiệu trưởng

2. Đ/c Nguyễn Thị Trà Mi : Chức vụ - Phó HT, Chủ tịch CD trường

3. Đ/c Vũ Thanh Nga : Chức vụ - Phó hiệu trưởng

4. Đ/c Vũ Thị Mai - Trưởng ban thanh tra nhân dân

5. Đ/c Đỗ Thị Hồng Hải : Chức vụ -Kế toán , Thư ký

\* **Nội dung:**

- Thực hiện theo thông tư số 36/2017/TT-BGD ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Hình thức công khai

+ Công khai trên trang Web cổng thông tin, niêm yết dự thảo kế hoạch thu chi, dự kiến các khoản thu năm học:2023-2024

+ Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 31 tháng 8 năm 2023 đến hết ngày 07 tháng 9 năm 2023

+ Địa điểm niêm yết: Tại phòng hội đồng của trường MN thị trấn Trầu Quỳ

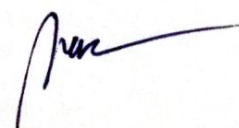
+ Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian quy định, kết thúc niêm yết, nhà trường lập biên bản hoàn thành việc công khai.

+Trong thời gian công khai 07 ngày, trường mầm non TT Trầu Quỳ không thấy có ý kiến phản hồi của phụ huynh về các khoản thu trong năm học 2023-2024 cần điều chỉnh hoặc giải trình.

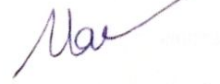
Biên bản được thông qua tại hội nghị với sự nhất trí của 100% các thành viên có mặt trong hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi 16h30 phút cùng ngày

**THƯ KÝ**

  
Đỗ Thị Hồng Hải

**TBTTND**

  
Vũ Thị Mai

**CHỦ TỌA**



  
Trần Thị Diệu Anh

**TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẦN TRẦU QUỲ**

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI DỰ KIẾN  
CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2023 - 2024**

| TT | Nội dung                            | Đơn vị<br>tính | Mức thu        | Ghi chú |
|----|-------------------------------------|----------------|----------------|---------|
| 1  | Tiền ăn                             | đồng           | 28.000đ/ngày   |         |
| 2  | Tiền nước uống                      | đồng           | 12.000đ/tháng  |         |
| 3  | Tiền chăm sóc bán trú               | đồng           | 150.000đ/tháng |         |
| 4  | Tiền học phẩm                       | đồng           | 150.000đ/năm   |         |
| 5  | Tiền trang thiết bị phục vụ bán trú | đồng           | 150.000đ/năm   |         |
| 6  | Tiền học trông giữ ngày thứ 7       | đồng           | 200.000đ/tháng |         |

Trầu Quỳ, ngày 31 tháng 8 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Trần Thị Diệu Anh**

(dự thảo)

Gia lâm, ngày 28 tháng 8 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Triển khai các khoản thu - chi đầu năm học 2023 - 2024

#### I. CĂN CỨ THỰC HIỆN

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ

- Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm học 2023 – 2024;

- Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao);

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN hiện hành.

Dựa vào tình hình thực tế tại địa phương

Căn cứ vào nhu cầu đầu tư cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2023 -2024

Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 Trường Mầm non TT Trâu Quỳ xây dựng dự thảo kế hoạch triển khai các khoản thu chi năm học 2023 – 2024 như sau:

#### II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Hà Nội, UBND huyện Gia Lâm về tăng cường công tác quản lý thu chi đầu năm học, tránh tình trạng lạm thu và thu sai quy định.

- Các khoản thu chi phải thực hiện đúng quy định của nhà nước đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên từng địa bàn.

- Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi, nội dung chi và phải được thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Ban giám hiệu nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên.

#### III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

##### 1. Phần thu

a. Đối với khoản thu học phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023

Mức thu: 300.000 đồng/tháng (Đối với hình thức học trực tiếp)

Mức thu: 225.000 đồng/tháng (Đối với hình thức học trực tuyến)

b. Đối với các khoản thu theo QĐ 51/2013 của UBND thành phố Hà Nội

- \* Tiền ăn: 28.000đồng/ngày/hs
- \* Chăm sóc bán trú: 150.000đồng/tháng/hs
- \* Học phẩm: 150.000đồng/năm/hs
- \* Trang thiết bị phục vụ bán trú: 150.000đồng/năm/hs
- \* Nước uống: 12.000đồng/tháng/hs

**c. Khoản thu thỏa thuận theo nhu cầu thực tế phục vụ học sinh**

- \* Trồng giữ ngày thứ 7: 200.000đồng/tháng/hs

**2. Phần chi (có dự toán chi tiết đính kèm)**

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Tuyên truyền các văn bản về thu chi năm học 2023 - 2024 đến 100% CMHS trong trường.

2. Triển khai kế hoạch thu chi đầu năm học đến từng cha mẹ học sinh về mức thu và các khoản thu.

3. Tổ chức họp cha mẹ học sinh lấy ý kiến thỏa thuận thống nhất bằng văn bản về mức thu, các khoản thu, chi đầu năm học.

4. Quy định rõ các khoản thu, thời gian thu.

5. Thực hiện công khai minh bạch mức thu, khoản thu và các khoản chi.

Ngoài các khoản thu theo quy định như trên, tuyệt đối không được thu thêm bất kỳ các khoản thu nào khác.

Trên đây là dự thảo Kế hoạch thu - chi năm học 2023 - 2024 của Trường Mầm non thị trấn Trâu Quỳ, yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để hoàn chỉnh kế hoạch.

Nơi nhận:

- UBND huyện Gia Lâm;
  - Phòng GD&ĐT;
  - Lưu VP.
- (để báo cáo)

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Diệu Anh**

**PHƯƠNG ÁN THU CHI ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN THU KHÁC VÀ THU THỎA THUẬN NĂM HỌC 2023-2024**

( *Kem theo dự thảo kế hoạch số :      KH - ngày      tháng      Năm 2023 của trường Mầm Non TT Trâu Quỳ*)

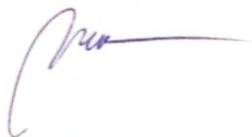
| STT      | Nội dung                                                                    | Đơn vị tính       | Mức thu          | NỘI DUNG                                                                           | SỐ TIỀN            | GHI CHÚ |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>Các khoản thu, chi theo Quyết định 51/2013 của UBND Thành phố Hà Nội</b> |                   |                  |                                                                                    |                    |         |
| <b>1</b> | <b>Tiền ăn</b>                                                              | <b>đ/hs/ngày</b>  | <b>28000đ</b>    |                                                                                    |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 100% tiền ăn bán trú được sử dụng để thanh toán tiền bữa ăn hàng ngày cho học sinh |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | <b>Nhà trẻ:</b>                                                                    |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | Gồm 2 bữa chính/ ngày = 14,000đ/ 1 bữa/ trẻ/ ngày                                  |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | <b>Mẫu giáo:</b>                                                                   |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | Gồm 01 bữa chính/ ngày = 19.000đ/ 1 bữa/ trẻ/ ngày                                 |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 01 bữa phụ/ ngày = 9.000đ/ 1 bữa / trẻ/ ngày                                       |                    |         |
| <b>2</b> | <b>Chăm sóc Bán trú</b>                                                     | <b>đ/hs/tháng</b> | <b>150.000 đ</b> | Chi 100% cho tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 58 người                        | <b>735.750.000</b> |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 3 người x 22 ngày/ tháng x 9 tháng                                                 | 36.825.030         |         |
|          |                                                                             |                   |                  | <b>Nhân viên hành chính:</b>                                                       |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 2 người x 22 ngày/ tháng x 9 tháng                                                 | 24.550.020         |         |
|          |                                                                             |                   |                  | <b>Nhân viên bảo vệ:</b>                                                           |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 03 người x 22 ngày/ tháng x 9 tháng                                                | 36.825.030         |         |
|          |                                                                             |                   |                  | <b>Nhân viên cô nuôi:</b>                                                          |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 10 người x 22 ngày/ tháng x 9 tháng                                                | 122.750.100        |         |
|          |                                                                             |                   |                  | <b>Giáo viên đứng lớp:</b>                                                         |                    |         |
|          |                                                                             |                   |                  | 40 người x 22 ngày/ tháng x 9 tháng                                                | 490.999.820        |         |
|          |                                                                             |                   |                  | Hỗ trợ nhân viên nhà bếp, văn phòng:                                               | 23.800.000         |         |
| <b>3</b> | <b>Trang Thiết bị phục vụ bán trú</b>                                       | <b>đ/hs/năm</b>   | <b>150.000 đ</b> | <b>Dự kiến Thu 545 x 150.000.000/ năm/1HS</b>                                      | <b>81.750.000</b>  |         |

|          |                 |                 |                  |                                                                                                      |                   |  |
|----------|-----------------|-----------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--|
|          |                 |                 |                  | <b>Kế hoạch chi:</b>                                                                                 | <b>81.750.000</b> |  |
|          |                 |                 |                  | Khăn mặt: 1100 cái x 7000/ 1 cái                                                                     | 7.700.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Bát con Inox: 150 cái x 18.000/1 cái                                                                 | 2.700.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Bát to Inox: 50 cái x 50.000/1 cái                                                                   | 2.500.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Thìa con: 100 con x 6.500/ 1 cái                                                                     | 650.000           |  |
|          |                 |                 |                  | Đĩa inox: 150 cái x 16.000/ 1 cái                                                                    | 2.400.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Cốc uống nước: 100 cái x 15.000/ 1 cái                                                               | 1.500.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Rổ nhựa con: 50 cái x 5.000/1 cái                                                                    | 250.000           |  |
|          |                 |                 |                  | Rổ nhựa nhỏ: 65 cái x 50.000/ cái                                                                    | 3.250.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Chân: 30 cái x 450.000/ 1 cái                                                                        | 13.500.000        |  |
|          |                 |                 |                  | Chiếu: 30 cái x 230.000/cái                                                                          | 6.900.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Gối: 20 cái x 20.000/ 1 cái                                                                          | 4.000.000         |  |
|          |                 |                 |                  | <b>Nước rửa bát:</b>                                                                                 |                   |  |
|          |                 |                 |                  | nước rửa bát 2 chai/ ngày x 26 ngày/ 1 tháng = 52 chai x 18.000/<br>1 chai = 936.000/tháng x 9 tháng | 9.174.000         |  |
|          |                 |                 |                  | <b>Xà phòng :</b>                                                                                    |                   |  |
|          |                 |                 |                  | 18 lớp x 2 gói / tháng x 7 tháng                                                                     | 10.808.000        |  |
|          |                 |                 |                  | <b>Giấy vệ sinh:</b>                                                                                 |                   |  |
|          |                 |                 |                  | 18 lớp x 1 cuộn / ngày x 26 ngày/ tháng = 468 cuộn x<br>3.000/cuộn x 7 tháng                         | 9.828.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Khăn lau tay: 18 lớp x 15 = 270 cái x 15.000                                                         | 3.890.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Nước tẩy nhà vệ sinh: 18 lớp = 108 x 25.000/ 1 chai                                                  | 2.700.000         |  |
| <b>4</b> | <b>Học phẩm</b> | <b>đ/hs/năm</b> | <b>150.000 đ</b> | <b>Dự kiến Thu 545 x 150.000.000/ năm/1HS</b>                                                        | <b>81.750.000</b> |  |
|          |                 |                 |                  | <b>Kế hoạch chi:</b>                                                                                 | <b>81.750.000</b> |  |
|          |                 |                 |                  | Mua sách, vở, học liệu cho học sinh tại PGD &ĐT Huyện                                                | 19.232.000        |  |
|          |                 |                 |                  | Búp bê bé trai: 3 x 18 lớp = 54 x 70.000/ 1 con                                                      | 3.780.000         |  |
|          |                 |                 |                  | Búp bê bé gái: 3 x 18 lớp = 54 x 70.000/ 1 con                                                       | 3.780.000         |  |

|    |                                                    |            |         |                                                                                                                                                                                                                                 |             |  |
|----|----------------------------------------------------|------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
|    |                                                    |            |         | Giấy vẽ A3: 18 lớp x 4 gam / 1 lớp = 72gam x 60.000                                                                                                                                                                             | 4.320.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ thẻ chữ, số trẻ: 180 bộ x 8.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                        | 1.440.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Đất nặn: 18 lớp x 3 kg/ 1 lớp = 54 kg x 150.000 / 1 kg                                                                                                                                                                          | 8.100.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bút sáp: 545 hộp x 18.000/ 1 hộp                                                                                                                                                                                                | 9.810.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Kéo trẻ: 100 cái x 8.000/ 1 cái                                                                                                                                                                                                 | 800.000     |  |
|    |                                                    |            |         | Bảng con: 100 cái x 12.000/ 1 cái                                                                                                                                                                                               | 1.200.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Hồ dán: 545 lọ                                                                                                                                                                                                                  | 1.785.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ đồ chơi nấu ăn gia đình: 18bộ x 90.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                 | 1.620.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Gậy thể dục nhỏ: 60 cái x 16.000/ 1cái                                                                                                                                                                                          | 960.000     |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ đồ chơi bác sỹ: 18 bộ x 110.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                        | 1.980.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Phấn màu: 150hộp x 4.000/ hộp                                                                                                                                                                                                   | 600.000     |  |
|    |                                                    |            |         | Ghép nút lớn: 18 lớp x 3 túi = 54 túi x 92.000/ 1 túi                                                                                                                                                                           | 4.968.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ làm quen với toán: 155 hộp x 45.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                    | 6.975.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Tranh minh họa thơ truyện 10 bộ x 185,000đ/ quyển                                                                                                                                                                               | 1.850.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bóng nhỡ: 200 quả x 9.000/ 1 quả                                                                                                                                                                                                | 1.800.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ đồ chơi gia đình: 18 bộ x 120.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                      | 2.160.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bóng to: 90 quả x 18.000/ 1 quả                                                                                                                                                                                                 | 1.620.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ khối hình to: 18 bộ x 60.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                           | 1.080.000   |  |
|    |                                                    |            |         | Bộ khối hình nhỏ: 18 bộ x 55.000/ 1 bộ                                                                                                                                                                                          | 990.000     |  |
| 5  | Nước uống                                          | đ/hs/tháng | 12.000  | Chi 100% mua nước uống tinh khiết cho học sinh                                                                                                                                                                                  | 58.860.000  |  |
|    |                                                    |            |         | Chi mua nước uống tinh khiết phục vụ học sinh( ký HĐ công ty TNHH Trọng Thái) chi trả theo số cháu đi học thực tế tại trường, dự kiến thu: 545 hs, Trung bình mỗi học sinh dùng hết 461,58đ/ ngày x 26 ngày, 12,000đ/ tháng/hs. | 58.860.000  |  |
| II | Thỏa thuận theo nhu cầu thực tế phụ huynh học sinh |            |         |                                                                                                                                                                                                                                 |             |  |
| 1  | Học ngày thứ 7                                     | đ/hs/tháng | 200000đ |                                                                                                                                                                                                                                 | 270.000.000 |  |

|  |  |  |  |                                                       |             |  |
|--|--|--|--|-------------------------------------------------------|-------------|--|
|  |  |  |  | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 56 người        |             |  |
|  |  |  |  | 80% chi cho CBGN đi làm ngày thứ 7                    | 216.000.000 |  |
|  |  |  |  | 20% Chi CSVC đồ dùng chuyên môn, hợp đồng vệ sinh.... | 54.000.000  |  |

NGƯỜI LẬP BIỂU



**Đỗ Thị Hồng Hải**

HIỆU TRƯỞNG




**Trần Thị Diệu Anh**

